

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày: 29-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nhị;

Ông Nguyễn Hồng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T**, (tên gọi khác: không); sinh năm 1999; Giới T: Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12. Nghề nghiệp: không; Cha: Bùi Văn Đ, Mẹ: Nguyễn Thị Hồng X; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/9/2017, bị TAND huyện Bến Lức xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 27/9/2019, bị TAND huyện Thủ Thừa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thủ Thừa từ ngày 10/01/2023 đến nay.(có mặt)

- Bị hại:

1. Ông **Trương Ngọc Th**, sinh năm: 1978;

2. Bà **Lê Thị C**, sinh năm: 1978.

Cùng nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (ông Th có mặt, bà C vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị M**, sinh năm: 1952; Nơi cư trú: Ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (có mặt);

2. Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: không có chỗ ở cố định (đang cai nghiện bắt buộc tại cơ sở xã hội Nhị Xuân- TPHCM) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2022, Bùi Văn T quen biết với Nguyễn Văn T1 tên thường gọi là T1 Ma là đối tượng nghiện ma túy. Chiều ngày 19/12/2022, Bùi Văn T cùng Nguyễn Văn T1 về nhà của T ở Ấp 3, xã T, huyện T chơi, cả hai có uống rượu và ngủ lại tại đây. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 20/12/2022, T1 gọi T dậy rủ đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. T1 đem theo ba lô đựng dụng cụ để trộm cắp tài sản và điều khiển xe mô tô (không rõ đặc điểm) chở T ra đường tỉnh 818. Khi đi ngang qua cửa hàng xăng dầu H thuộc Ấp 3, xã T, huyện T, T1 thấy có nhiều xe mô tô trong cửa hàng nên T1 đậu xe cách cổng rào khoảng 10 mét. T1 lấy kiếm cộng lực cắt đứt thanh nối hai dây hàng rào lại để đi vào bên trong. T1 đứng ngoài cảnh giới, T vào trong dẫn xe mô tô Wave alpha, màu xanh - đen - bạc; biển số 62N1-616.04 của anh Trương Ngọc Th (là người làm thuê tại cửa hàng) ra ngoài. Cả hai đem xe vừa trộm được về nhà T để cất giấu, khi đến nhà T thì T1 đứng ngoài còn T đưa xe 62N1-616.04 vào nhà. Lúc này, Phạm Thị M (bà nội của T) thức dậy hỏi xe của ai thì T nói xe của bạn, sáng về lấy. Sau đó, cả hai quay lại cửa hàng xăng dầu H để tiếp tục lấy trộm tài sản. Đến nơi, T1 đứng ngoài cảnh giới, T vào bên trong lấy trộm xe mô tô Wave alpha, màu đỏ - đen; biển số 62M1-3048 của anh Th dẫn ra ngoài. Sau đó, cả hai đem xe

vừa trộm được đến nhà Nhà trọ Bình Sang ở Ấp 4, xã T cất giấu phòng trọ của T1. Sau khi cất xe, cả hai tiếp tục quay lại cửa hàng xăng dầu H. Đến nơi, T đứng ngoài cảnh giới, T1 vào bên trong lấy trộm xe mô tô Wave RSX, (nhãn hiệu Citi), màu đỏ - đen; biển số 62G1-067.84 của anh Th dẫn ra ngoài rồi cả hai đem về phòng trọ của T1. T1 tháo biển số xe Wave alpha gắn vào xe Wave RSX và ngược lại để không bị phát hiện. Sau đó, cả hai đem xe Wave alpha đến TP. Hồ Chí Minh để cầm xe, trên đường đi T1 có điện thoại cho bà Mai nói “lát về lấy xe”. Cả hai đem cầm xe Wave alpha tại một tiệm cầm đồ không có bản hiệu tại quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) được 3.000.000đ, chủ tiệm lấy 500.000đ tiền lời, đưa cho T1 2.500.000đ. Lúc này, bà Mai điện thoại nói cho T biết việc Công an huyện Thủ Thừa đến nhà kiểm tra, thu giữ xe 62N1-616.04. Sau đó, T1 và T tiếp tục về phòng trọ lấy xe Wave RSX đến khu vực An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ) cầm được 3.000.000đ, chủ tiệm lấy 500.000đ tiền lời, đưa cho T1 2.500.000đ. Tổng cộng cầm hai xe được 5.000.000đ, T1 chia cho T 1.000.000đ, T1 giữ 4.000.000đ. Sau đó, cả hai lần trốn, đến ngày 09/01/2013 Công an huyện Thủ Thừa mời T về làm việc. Quá trình điều tra, Bùi Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 03/01/2023, Nguyễn Văn T1 bị Công an xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh bắt đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở xã hội Nhị Xuân, TP. Hồ Chí Minh. Quá trình là việc, Nguyễn Văn T1 không thừa nhận cùng với Bùi Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 03 xe mô tô của anh Trương Ngọc Th tại cửa hàng xăng dầu H. Nguyễn Văn T1 chỉ thừa nhận chiều ngày 19/12/2022 có đến nhà của T nhưng sau đó về phòng trọ của mình ở Ấp 4, xã Nhị Thành, T1 cũng không thừa nhận điện thoại cho bà Mai nói “lát về lấy xe”. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Văn T1 với Bùi Văn T và bà Phạm Thị M. Tuy nhiên, Nguyễn Văn T1 vẫn không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Ngoài ra, không còn tài liệu nào khác chứng minh hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T1.

Tại kết luận định giá tài sản số 1315/KL-HĐĐG ngày 21/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủ Thừa kết luận: Tổng giá trị tài sản (03 xe mô tô) của anh Trương Ngọc Th tại thời điểm 20/12/2022 là 14.610.000đ.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 08/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố Bùi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong phần luận tội, ông Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá T chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX ghi nhận thỏa thuận giữa bị cáo T với bị hại Thành, buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông Trương Ngọc Th 15.000.000đ;

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại màu đen đường kính 01cm, bị bẻ công dùng để cố định khung rào sắt, có dấu vết bị cắt đứt,

Bị cáo không thực hiện quyền tranh luận mà xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố vụ án thì hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và kiểm sát viên tiến hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản thu giữ vật chứng và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 02 giờ sáng ngày 20/12/2022, Bùi Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 03 xe mô tô trị giá 14.610.000đ của ông Trương Ngọc Th, đang đậu tại cửa hàng xăng dầu H ở Ấp 3, xã T, huyện T. Do đó hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa đã phản ánh đúng hành vi mà bị cáo T đã thực hiện, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý, hành vi đó không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ như: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đối với Nguyễn Văn T1 thì bị cáo T khai nhận đã cùng với Nguyễn Văn T1 (T1 ma) thực hiện hành vi lấy trộm 3 xe mô tô của ông Trương Ngọc Th. Tuy nhiên qua đối chất giữa T và T1 thì T1 không thừa nhận, T1 cũng không thừa nhận có gọi cho bà Mai nói “lát về lấy xe”. CQĐT đã tiến hành trích xuất camera tại Cửa hàng xăng dầu H nhưng không nhìn thấy hình ảnh rõ nét của các đối tượng, CQĐT đã tiến hành trích xuất camera tại nhà trọ mà T1 đang thuê thì camera không hoạt động do ngưng kết nối wifi, CQĐT đã tiến hành trích xuất Bùi Văn T đi xác định các địa điểm mà T cùng T1 cầm 02 xe mô tô nhưng do bị cáo T không biết chữ, không biết đường nên không xác định được. Do đó chưa đủ cơ sở để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T1 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Văn T1 xử lý sau.

Đối với bà Phạm Thị M cho Bùi Văn T gửi xe mô tô 62N1-616.04. Tuy nhiên, bà Mai không biết đây là tài sản do Bùi Văn T trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa không xử lý hình sự đối với bà Mai là có căn cứ.

Đề nghị của ông Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Ngọc Th yêu cầu bị cáo Bùi Văn T bồi thường trị giá 02 xe mô tô (62G1-067.84 và xe mô tô 62M1-3048) bị mất trộm là 15.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do hiện tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa đã ra quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Văn T1

nên khi nào Cơ quan CSĐT chứng minh được T1 là người đã thực hiện hành vi trộm cắp 3 xe mô tô nói trên của ông Th thì bị cáo T có quyền yêu cầu bị cáo T1 trả lại cho bị cáo T $\frac{1}{2}$ giá trị bồi thường.

[6] Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa có thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: một xe mô tô 62N1-616.04, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa đã trả lại cho ông Trương Ngọc Th; 01 thanh kim loại màu đen đường kính 01cm, bị bẻ công dùng để cố định khung rào sắt, có dấu vết bị cắt đứt.

Xét thấy việc trả lại xe mô tô 62N1-616.04 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Thủ Thừa cho ông Trương Ngọc Th là đúng pháp luật nên HĐXX không xem xét. Đối với 01 thanh kim loại màu đen đã bị cắt đứt không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Bùi Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm: s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù T từ ngày 10/01/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo **Bùi Văn T** 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/6/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về dân sự: Căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo **Bùi Văn T** phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Trương Ngọc Th 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) trị giá 2 xe mô tô (62G1-067.84 và xe mô tô 62M1-3048) mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Từ ngày ông Th có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa bồi thường thì bị cáo T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu đen đường kính 01cm, bị bẻ công dùng để cố định khung rào sắt, có dấu vết bị cắt đứt. (Vật

chứng này do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS ngày 08/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, ông Trương Ngọc Th và bà Phạm Thị M biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-6-2023). Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Công an huyện Thủ Thừa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tuấn